

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU TH, TỈNH K GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện;

2. Ông Nhâm Đức Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Diễm H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp L, xã Th1, huyện Châu Th, tỉnh K.

(Chị H có mặt tại phiên tòa)

** Bị đơn:* Anh **Danh Huệ H1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Phước L, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh K.

(Anh H1 vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H trình bày: Vào năm 2015, chị và anh Danh Huệ H1 được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến tháng 10 năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Anh H1 không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh H1 nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Danh Huệ H1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh H1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Danh Huệ H1.
- Về con chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-8-2020 bị đơn anh Danh Huệ H1 trình bày:
Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn anh H1 cho rằng vào năm 2016 chị H xin về nhà cha mẹ vài ngày nhưng không quay về sống cùng anh và từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Nay chị H yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Diễm H.
- *Về con chung:* Anh H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H1. Anh H1 vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị H: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh H1: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh H1 tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 10-6-2020 chị Nguyễn Thị Diễm H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H1. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Châu Th đã triệu tập hợp lệ anh Danh Huệ H1 đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H1 vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 chung sống với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy

định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Diễm H là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Danh Huệ H1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002459 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K ; chị H không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Diễm H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh Huệ H1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Th
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

